

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO TRONG THỜI KỲ CHIẾN TRANH

Đinh Văn Thọ¹

Trong lịch sử hình thành và phát triển của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, có 9 năm (từ 1964 đến 1973) Trường thực hiện nhiệm vụ đào tạo trong hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, kinh tế khó khăn,...

Là một người trong cuộc, tôi ghi lại những sự kiện chính và những con người của thời kỳ đó, với mong muốn lưu lại ký ức cho các thế hệ nay và mai sau, đồng thời cũng để tri ân những người đã tận tâm cống hiến cho sự nghiệp đào tạo cán bộ TDTT của nước nhà.

Năm học 1964 – 1965, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh bước vào một giai đoạn mới – giai đoạn đào tạo đại học. Đội ngũ giảng viên có trình độ được tăng cường, cơ sở vật chất kỹ thuật được chuẩn bị ở mức độ nhất định, học sinh trung cấp Khóa 1,2 ra trường, sinh viên Khóa đại học 1,2 nhập học, hệ văn hóa thể thao được mở rộng,... một không khí hồ hởi, phấn khởi bao trùm. Nhưng đế quốc Mỹ đã tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc ngày càng mở rộng và ác liệt. Một ngày đầu hè 1965, máy bay Mỹ đã ném bom xuống một thôn nhỏ - thôn Bính ngay cạnh trường, làm nhiều người dân bị chết và bị thương. Nhà trường cho đào nhiều hầm hào trú ẩn, học sinh, sinh viên phân tán ra ở dưới các rặng cây, học tập vào các sáng sớm và chiều muộn để tránh giờ cao điểm đánh phá của địch. Chưa thấy an toàn và theo chỉ thị của cấp trên, trường tổ chức sơ tán về các vùng nông thôn. Một bộ phận lên xã Thượng Lan, huyện Việt Yên, cách trường khoảng 60 cây số về phía Bắc, gọi là khu B, do ông Vũ Đình Bản (*) hiệu trưởng lãnh đạo, giảng viên là các thầy Nguyễn Đình Khoái (*), Mai Văn Môn (*), Nguyễn Thị Hòa (*), Lê Văn Xem, Phạm Văn Xẹn, Phạm Văn Thọ và nhiều người khác với các sinh viên đại học khóa 3,4, học sinh trung cấp khóa IV và các VĐV trẻ hệ Văn hóa Thể thao mới được

tuyển chọn vào Trường tháng 8 và 9 năm 1965. Mọi người sống trong nhà dân, học tập lý luận trong các nhà tạm mới dựng, tập luyện trên các sân bãi trong các vườn tre, rặng bạch đàn, bơi lội trong các ao hồ tự nhiên...

Một bộ phận khác đông hơn sơ tán lên xã Đường Sơn, Trung Tự thuộc huyện Hiệp Hòa, cách Trường khoảng 60 km về phía Tây bắc, gọi là khu C, do ông Nguyễn Tính (*) Phó Hiệu trưởng lãnh đạo, ông Phan Vĩnh Đôn (*) Trưởng Phòng Giáo vụ và ông Trịnh Căn, giảng viên là các thầy cô Trần Phúc Phong, Nguyễn Thị Hạnh Phúc, Nguyễn Đức Phong (*), Nguyễn Văn Lộc, Đinh Văn Thọ, Ngũ Mạnh Tường (*), Nguyễn Thiết Tinh, Đinh Can, Nguyễn Đức Quý (*), Phạm Ngũ (*), Nguyễn Toán (*), Lê Mậu Đỗ (*), Nguyễn Quang (*) và các chuyên gia Trung Quốc, cùng với sinh viên đại học khóa 1,2 và trung cấp Khóa 5. Sống dựa vào dân, tập luyện trên các sân, đồi bạch đàn hoặc các đồi trọc, lấy nước từ Sông Cầu, ăn thì hầu như chỉ có bánh bột mì luộc hoặc rau muống chấm nước muối, sinh hoạt với đèn dầu tù mù.

Đào hầm hào trú ẩn là việc không thể thiếu. Có những hôm đang học thì máy bay Mỹ lượn trên đầu, thả bom, bắn phá gần đó, khói đen nghi ngút. Một buổi gần trưa hè năm 1966, bầu trời âm u, máy bay Mỹ đã tới ném bom vào khu vực có giảng viên và sinh viên đang ở, may mắn là không gây thương vong. Tuy khó khăn và ác liệt là vậy nhưng công tác giảng dạy, học tập vẫn diễn ra bình thường, sinh viên đại học khóa 1,2 đã tốt nghiệp, những tấm bằng đại học TDTT đầu tiên của nước ta đã được trao trong một buổi lễ khá long trọng như một ngày hội.

Bộ phận khác ở lại trường, gọi là khu A do ông Vũ Tiên Quân (*) Phó Hiệu trưởng lãnh đạo, làm nhiệm vụ bảo vệ trường và hậu cần cho các khu sơ tán, thầy trò hệ văn hóa thể thao vẫn

1, Nguyên Bí thư đảng ủy, Quyền Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (*), Những người đã mất

TIN TỨC, SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

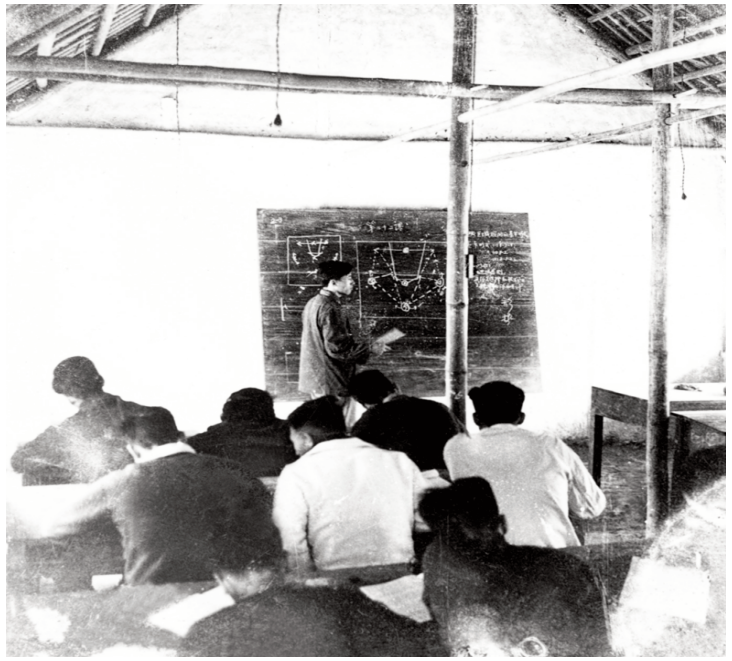
sơ tán ở làng Thọ Trai...

Máy bay Mỹ cũng đã ném bom vào một góc của trường nhưng không gây thiệt hại đáng kể cả về người và tài sản, chỉ làm đổ cây cối và hội trường.

Sang năm 1968, Mỹ tuyên bố ngừng ném bom phá hoại miền Bắc, các thầy, cô giáo và CBCNV ở các khu sơ tán được trở về trường. Việc dạy và học trở lại bình thường, quy mô đào tạo được mở rộng, nghiên cứu cải tiến chương trình cho phù hợp với yêu cầu mới, công việc xây dựng trường sở được triển khai tích cực, lập quy hoạch tổng thể, san lấp hố bom, ao hồ, xây dựng bể bơi, trường bắn, nhà liên hợp, nhà ở cho sinh viên, giáo viên, CNV và các công trình khác mà giá trị của nó tồn tại cho đến ngày nay và mai sau.

Thời kỳ này rất khó khăn, Chính phủ có chủ trương các cơ quan trường học phải tự túc một phần lương thực, Nhà trường tổ chức đi trồng lúa, khoai, sắn với hy vọng tự túc được vài tháng, nhưng không có một cân lúa, củ khoai nào đưa về.

Mùa mưa năm 1971, các tỉnh thành phố Đồng bằng Bắc bộ hứng chịu một trận lũ lụt chưa từng có. Nước lũ làm vỡ đê Cống thôn gần Cầu Đuông, nước tràn ngập cả một vùng rộng lớn của huyện Từ Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh, nhà trường cũng bị ngập sâu, đến khoảng 1,5m. Lúc này việc ăn, uống, bảo vệ tính mạng và tài sản là việc vô cùng khó khăn và cấp bách, mưa liên tiếp, bốn bề nước mênh mông như biển cả, nhà trường như một ốc đảo, đi lại phải dùng bè mảng. Dưới sự chỉ đạo của ông Nguyễn Thanh Trạm (*) Phó hiệu trưởng, đã bảo đảm được mức sống tối thiểu cho gần 1000 con người và một bộ phận của người dân xung quanh vào tránh lũ. Theo lệnh điều động khẩn cấp của ông Nguyễn Phương Nam, Chủ tịch Tỉnh Hà Bắc, Nhà trường đã cử nhiều đoàn đi hộ đê. Đoàn do thầy Phạm Văn Xẹn chỉ huy hộ đê Sông Cầu, đoàn sinh viên Đại học 7 đi hộ đê Sông Đuông, đoàn Đại học 6 do thầy Nguyễn Đình Khoái (*) chỉ huy đi tôn tạo đê bảo vệ kho lương thực 1800 tấn tại Phù Lưu – nguồn sống của hàng ngàn con người ở Từ Sơn. Đê Nhất Trai thuận



Sinh viên Nhà trường học văn hóa tại khu sơ tán tại Việt Yên, Bắc Giang

thành bị vỡ, theo lệnh điều động khẩn cấp của Chủ tịch tỉnh Hà Bắc, một lần nữa nhà trường cử một đoàn đi tham gia hàn khẩu đê, cứu hộ tính mạng, tài sản nhân dân. Đoàn gồm thầy Phạm Văn Xẹn, Mai Văn Muôn (*), Võ Đức Phùng, Trần Duy Ly, Nguyễn Chấn Hưng, Đinh Can, Trịnh Căn, cùng với sinh viên Đại học khóa 5, trung cấp khóa 7 và đại học khóa 7 do thầy Đinh Văn Thọ chỉ huy chung lên tàu thủy tới Thuận Thành tham gia hàn khẩu, là một trong hai lực lượng chủ chốt của công trường. Ông Lê Đức Chính (*) Tổng cục trưởng, ông Tạ Quang Chiến Phó Tổng cục trưởng cũng kịp thời đến hiện trường thăm hỏi, động viên và căn dặn: Phải làm tốt công việc hàn khẩu và bảo đảm an toàn tính mạng và sức khỏe.

Sau gần một tháng dầm mưa, lao động cực nhọc cả ngày lẫn đêm trong điều kiện đầy rủi ro...đoạn đê bị vỡ gần một cây số đã được hàn gấn, nước lũ tuôn chảy từ dòng sông đổ vào đồng đã được ngăn lại, nhân dân quanh vùng phấn khởi lũ lụt trở về nhà mình.

Cuối năm 1972, đế quốc Mỹ trở lại bắn phá ác liệt thủ đô Hà Nội và một số tỉnh, thành phố miền Bắc. Dưới sự chỉ đạo của ông Nguyễn Duy Hưng (*), Hiệu trưởng, Nhà trường lại đi sơ tán. Địa điểm được chọn là xã Tam Sơn cách trường 6 cây số. Nơi đây có 3 ngọn đồi nhỏ, nhiều cây



Ngoài giờ học, sinh viên Nhà trường tích cực lao động xây dựng Trường

cối, thuận lợi cho việc đào hầm hào trú ẩn và cũng tiện cho việc tránh lũ lớn như năm trước (1971). Sinh viên Đại học khóa 6 và các giảng viên đã giúp đỡ bộ đội làm đường kéo tên lửa, đắp ụ pháo. Đơn vị này đã bắn hạ một máy bay B52. Trong cuộc chiến đấu 12 ngày đêm bảo vệ thủ đô Hà Nội, khoảng 20 giờ ngày 18/12/1972, một tốp máy bay B52 gồm 2 chiếc đã ném bom rải thảm xuống cánh đồng xã Tam Sơn và xóm Núi nơi có đơn vị tên lửa và sinh viên Nhà trường, làm một số dân thường, công nhân sơ tán, chiến sĩ và 2 cô giáo bị chôn vùi, sinh viên lại tham gia đào bới cứu người và tài sản giúp nhân dân. Thấy tình hình khá nguy hiểm, Nhà trường lại tiếp tục tổ chức sơ tán. Lần này là lên xóm Ân Phú, Phú Lâm của huyện Tiên Sơn.

Đầu năm 1973, Hiệp định Paris về Việt Nam được ký kết, chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, thầy và trò phấn khởi trở về trường tiếp tục công tác giảng dạy, học tập. Nhưng chiến tranh biên giới phía Tây nam và phía Bắc nổ ra, Nhà trường lại ở trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu và sẵn sàng sơ tán xa khi có lệnh. Trung đoàn tự vệ của Nhà trường được thành lập gồm cán bộ, giảng viên, sinh viên, học sinh tham gia huấn luyện, chiến đấu.

Chín năm trôi qua, thời gian không dài lắm nhưng là một thời kỳ đầy khó khăn, thử thách và chưa có tiền lệ trong lịch sử Nhà trường. Dưới sự lãnh đạo kịp thời của Tổng cục TĐTT, Nhà trường đã vượt qua tất cả - duy trì được công tác đào tạo, bảo toàn tính mạng và tài sản, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, giúp đỡ xây dựng phong trào TĐTT, phục vụ sản xuất, chiến đấu, phòng chống thiên tai,... Nhân tố nào đã làm nên điều kỳ diệu ấy, đó là tinh thần trách nhiệm, quyết tâm, là tính kỷ luật – đoàn kết, sự thông minh, sáng tạo, tố chất sức khỏe và có cả sự may mắn.

Nhân 60 năm nhìn lại, chúng ta càng thêm phấn khởi, tự hào về thành tích, truyền thống tốt đẹp của Nhà trường, nhớ về một thế hệ cán bộ, giảng viên, sinh viên, học sinh trẻ trung, đầy nhiệt huyết trong giai đoạn khó khăn, gian khổ và ác liệt nhất.